



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ**  
**KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**!**

**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI**

**CHƯƠNG VIII: QUẢN TRỊ VỐN, CHI PHÍ VÀ  
HẠCH TOÁN KINH DOANH CỦA DOANH  
NGHỆP THƯƠNG MẠI**

**Sinh viên thực hiện:**

**Nhóm 4 - K40 QTKD TH**

# B. QUẢN TRỊ CHI PHÍ KINH DOANH

I

**KHÁI NIỆM,  
PHÂN LOẠI  
VÀ NỘI DUNG  
CỦA CHI PHÍ  
KINH DOANH**

II

**CHI PHÍ  
LƯU THÔNG**

III

**NHỮNG BIỆN  
PHÁP GIẢM  
CHI PHÍ KINH  
DOANH CỎI  
CHUNG VÀ  
CHI PHÍ LƯU  
THÔNG NÓI  
RIÊNG**

# KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ NỘI DUNG CỦA CHI PHÍ KINH DOANH

## ➤ Khái niệm:

Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp thương mại là tất cả các khoản chi phí từ khi mua hàng cho đến khi bán hàng và bảo hành hàng hóa cho khách hàng trong một khoảng thời gian nhất định (tháng, quý, năm).

# Phân loại

Theo nội dung kinh tế

1

Theo sự phụ thuộc tổng mức lưu chuyển

2

Theo chi phí kế toán và chi phí kinh tế

4

Theo mức chi phí và tiến trình thực hiện chi phí

3

PHÂN LOẠI

## ➤ Theo nội dung kinh tế

- ❖ Chi phí mua hàng: Là khoản tiền doanh nghiệp thương mại phải trả cho các đơn vị nguồn hàng về số lượng đã mua.
  - ❖ Chi phí lưu thông: Là chi phí bằng tiền cần thiết để đảm bảo thực hiện lưu thông hàng hóa từ nơi mua đến nơi bán
- ## ➤ Theo mức chi phí và tiến trình thực hiện chi phí
- ❖ Chi phí bình quân: Là số tiền chi phí tính cho một đơn vị hàng hóa bán ra trung bình.
  - ❖ Chi phí biên: Là mức tăng tổng chi phí khi khối lượng hàng hóa hoặc dịch vụ bán ra tăng thêm một đơn vị.

➤ Theo sự phụ thuộc vào tổng mức lưu chuyển

❖ Chi phí kinh doanh cố định (định phí): Là các khoản chi phí không biến đổi hoặc biến đổi ít khi tổng mức lưu chuyển của doanh nghiệp thương mại tăng lên hay giảm xuống.

❖ Chi phí kinh doanh biến đổi (biến phí): Là các khoản chi phí kinh doanh tăng lên hay giảm xuống khi tổng mức lưu chuyển tăng lên hay giảm xuống.

➤ Theo chi phí kế toán (minh nhiên) và chi phí kinh tế (chi phí cơ hội)

❖ Chi phí kế toán: Là chi phí được ghi chép những khoản chi phí bằng tiền theo thời gian lúc chi phí và các khoản chi phí tính toán bằng tiền

❖ Chi phí kinh tế (chi phí cơ hội): Là các khoản bị mất mát do không sử dụng các nguồn lực theo phương thức sử dụng tốt nhất.

# Nội dung của chi phí kinh doanh

1

Chi phí mua hàng

2

Chi phí lưu thông

3

Chi nộp thuế và chi phí mua bảo hiểm



## ➤ Chi phí mua hàng

- ❖ Là khoản tiền mà doanh nghiệp thương mại phải chi trả cho các đơn vị nguồn hàng về số hàng đã mua.
- ❖ phụ thuộc vào khối lượng và cơ cấu hàng hóa đã mua và đơn giá của một đơn vị hàng mua.



## ➤ Chi phí lưu thông

- Là chi phí lao động xã hội cần thiết thể hiện bằng tiền trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa từ nơi mua hàng đến nơi bán hàng.
- Chi phí lưu thông gắn liền với suốt quá trình mua bán và vận động của hàng hóa từ nguồn hàng đến nơi bán hàng.
- Chi phí lưu thông cao hay thấp lại phụ thuộc nhiều vào trình độ tổ chức quản trị của doanh nghiệp thương mại, vào sự tính toán hợp lý, thực tế, cũng như ý thức chi tiêu tiết kiệm của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

## ➤ Chi nộp thuế và chi phí mua bảo hiểm

- ❖ **Chi nộp thuế:** Là khoản đóng góp theo quy định của pháp luật mà Nhà nước bắt buộc mọi tổ chức và cá nhân phải có nghĩa vụ nộp vào cho ngân sách nhà nước
- ❖ Tùy theo lĩnh vực kinh doanh và mặt hàng kinh doanh mà doanh nghiệp phải nộp các khoản thuế khác nhau cho ngân sách nhà nước.
- ❖ Số tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp phụ thuộc vào doanh thu chịu thuế và tỷ suất thuế do các luật thuế quy định.
- ❖ **Chi phí mua bảo hiểm:** Ngoài các khoản bảo hiểm bắt buộc, để đề phòng những rủi ro có thể xảy ra, doanh nghiệp thương mại phải có các khoản chi phí để mua bảo hiểm hàng hóa, tài sản, vận chuyển...

# CHI PHÍ LƯU THÔNG

- **Phân loại và danh mục chi phí lưu thông**
- ✓ Phân loại chi phí lưu thông
  - Theo nội dung kinh tế
  - Chi phí lưu thông thuần túy: Là những khoản chi phí gắn liền với việc mua bán hàng hóa, hạch toán hàng hóa và lưu thông tiền tệ.
    - ❖ Chi phí này không làm tăng thêm giá trị của sản phẩm hàng hóa.
  - Chi phí lưu thông bổ sung: Là những khoản chi phí nhằm tiếp tục và hoàn thành quá trình sản xuất nhưng chỉ bị hình thái lưu thông che dấu đi.
    - ❖ Chi phí lưu thông bổ sung không làm tăng thêm giá trị sử dụng của hàng hóa nhưng nó làm tăng thêm giá trị của hàng hóa.

## ■ Theo sự phụ thuộc vào tổng mức lưu chuyển

- Chi phí lưu thông khả biến: Là những khoản chi phí phụ thuộc chặt chẽ vào sự thay đổi của tổng mức lưu chuyển hàng hóa. Khi tổng mức lưu chuyển hàng hóa tăng lên hay giảm xuống thì các khoản chi phí này cũng tăng lên hay giảm xuống.
- Chi phí lưu thông bất biến (tương đối): Là những khoản chi phí không thay đổi hoặc ít có liên quan đến sự thay đổi của tổng mức lưu chuyển hàng hóa.

## ■ Theo các khâu của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại:

- Phân chi phí lưu thông theo các khâu (cấp) của hoạt động kinh doanh và quản lý: cấp Tổng Công ty, cấp Công ty... Ngay trong một doanh nghiệp cũng chia ra: cấp doanh nghiệp (công ty), cấp kho, trạm, cửa hàng, quầy hàng, các đại lý...



## Danh mục chi phí lưu thông

- ❖ Danh mục chi phí lưu thông là bảng liệt kê các khoản mục chi phí lưu thông trong quá trình kinh doanh hàng hóa
- ❖ Các khoản mục trong bảng danh mục chi phí lưu thông được xây dựng theo nguyên tắc hưởng phí

# BẢNG DANH MỤC CHI PHÍ LƯU THÔNG

## I. Chi phí vận tải, bốc dỡ hàng hóa\*\*\*

1. Tiền cước vận tải
2. Tiền khuân vác, bốc dỡ hàng hóa
3. Tạm phí vận tải

## II. Chi phí bảo quản, thu mua, tiêu thụ (bán hàng)

4. Tiền lương (tiền công) trực tiếp kinh doanh
5. Tiền thuê nhà và công cụ
6. Tiền khấu hao nhà cửa, công cụ
7. Chi phí phân loại, chọn lọc, đóng gói, bao bì
8. Chi phí bảo quản
9. chi phí sửa chữa nhỏ, nhà cửa, công cụ
10. Chi phí nhiên liệu, điện lực
11. Chi phí trả lãi vay ngân hàng
12. Chi phí vệ sinh kho tàng, cửa hàng
13. Chi phí tuyên truyền, quảng cáo
14. Chi phí đào tạo, huấn luyện
15. Chi phí khác

### **III. Chi phí hao hụt hàng hóa**

16. Chi phí hao hụt hàng hóa trong định mức

17. Chi phí hao hụt ngoài định mức

### **IV. Chi phí quản lý hành chính**

18. Tiền lương bộ máy quản trị kinh doanh

19. Khấu hao tài sản cố định

20. Chi phí nhiên liệu, điện lực

21. Chi phí nộp lên cấp trên

22. Chi phí tiếp khách

# Cơ cấu và tỷ lệ chi phí lưu thông

## ➤ Cơ cấu của chi phí lưu thông

- ❖ Cơ cấu của chi phí lưu thông là tỷ trọng của từng khoản mục chi phí lưu thông chiếm trong tổng số phí.
- ❖ Nhìn vào cơ cấu của chi phí lưu thông, có thể thấy rõ tỷ trọng của từng khoản mục chiếm trong tổng chi phí.
- ❖ Trong cơ cấu của chi phí lưu thông, khoản mục chi phí vận tải, bốc dỡ chiếm tỷ trọng lớn nhất, sau đó đến khoản mục chi phí bảo quản, thu mua, tiêu thụ, tiếp là khoản mục chi phí quản lý hành chính và cuối cùng khoản mục chi phí hao hụt.



# Ví dụ

Các doanh nghiệp thương mại	Tổng số chi phí lưu thông	Cơ cấu chi phí lưu thông (%)			
		Chi phí vận tải bốc dỡ	Chi phí bảo quản thu mua tiêu thụ	Chi phí hao hụt	Chi phí quản lý hành chính
1	2	3	4	5	6
1. Công ty thương mại A	100	51,5	43,6	1,4	3,6
2. Công ty thương mại B	100	49,7	47,0	0,5	2,8
3. Công ty thương mại C	100	46,2	49,8	0,5	3,5
4. Công ty thương mại D	100	50,0	46,5	0,5	3,0
5. Công ty thương mại E	100	60,4	30,5	1,7	7,4
	100	50,7	35,8	1,5	12,0
	100	46,2	44,8	0,5	8,5

❖ Cơ cấu chi phí lưu thông còn được xét theo từng mặt hàng. Đây là tỷ trọng của từng khoản mục phí chiếm trong tổng số phí của từng mặt hàng

Ví dụ:

<b>Các khoản mục</b>	<b>Kim khí</b>	<b>Thiết bị</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Than</b>	<b>Xi măng</b>
1. Chi phí vận tải bốc dỡ	38,670	47,628	48,066	92,16	74,011
2. Chi phí bảo quản, thu mua, tiêu thụ	50,350	30,627	36,234	6	18,137
3. Chi phí hao hụt	0,147	0,049	8,710	5,270	0,318
4. Chi phí quản lý hành chính	10,833	21,696	6,990	0,731	7,534
				1,833	
<b>TỔNG SỐ chi phí</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

# Tỷ lệ chi phí lưu thông

- ❖ Tỷ lệ chi phí lưu thông là tỷ lệ phần trăm của tổng số tiền chi phí lưu thông so với tổng doanh số hàng bán ra (giá bán).
- ❖ Tỷ lệ chi phí lưu thông của từng khoản mục là tỷ lệ phần trăm của tổng số tiền chi phí lưu thông của từng khoản mục so với tổng doanh số bán ra (giá bán).

# Những nhân tố ảnh hưởng đến chi phí lưu thông

- Những nhân tố thuộc môi trường kinh doanh
  - ❖ Những nhân tố thuộc môi trường kinh doanh như: cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước; giá cả hàng hóa và dịch vụ vận tải; điều kiện nguồn hàng; nhu cầu của khách hàng, cơ sở hạ tầng; sự phát triển của khoa học - kỹ thuật - công nghệ mới và điều kiện tự nhiên.
- Những nhân tố thuộc bản thân doanh nghiệp
  - ❖ Những nhân tố đó là: khối lượng và cơ cấu mặt hàng kinh doanh và giá cả; quy mô mạng lưới kho, trạm, cửa hàng... của doanh nghiệp; khối lượng và cơ cấu mặt hàng dự trữ; phương thức mua, bán, giao nhận, thanh toán tiền hàng doanh nghiệp áp dụng...

# NHỮNG BIỆN PHÁP GIẢM CHI PHÍ KINH DOANH NÓI CHUNG VÀ CHI PHÍ LƯU THÔNG NÓI RIÊNG

- **Những biện pháp giảm chi phí vận tải, bốc dỡ**
  - ❖ Rút ngắn quãng đường vận tải bình quân và lựa chọn đúng đắn phương tiện vận tải hàng hóa.
  - ❖ Kết hợp chặt chẽ mua và bán, chủ động tiến hành các hoạt động dịch vụ.
  - ❖ Phân bố hợp lý mạng lưới kinh doanh.
  - ❖ Chuẩn bị tốt chân hàng, đóng gói hàng hóa và bao bì phù hợp.
  - ❖ Tổ chức tốt công tác bốc dỡ hàng hóa ở hai đầu tuyến vận chuyển và hợp tác chặt chẽ với cơ quan vận chuyển, sử dụng phương thức vận chuyển tiên tiến.



# Các biện pháp giảm chi phí bảo quản, thu mua, tiêu thụ

- ❖ Tổ chức bộ máy kinh doanh và mạng lưới kinh doanh.
- ❖ Tăng cường quản lý và sử dụng tốt tài sản dùng trong kinh doanh
- ❖ Thực hiện đúng kỷ luật tài chính, tín dụng.
- ❖ Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới trong bảo quản hàng hóa.
- ❖ Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên công tác kho.

# Các biện pháp giảm chi phí hao hụt hàng hóa

- ❖ Kiểm tra chặt chẽ số lượng, chất lượng hàng hóa nhập kho.
- ❖ Có sự phân loại hàng hóa và biện pháp bảo quản thích hợp ngay từ đầu.
- ❖ Cải tiến kỹ thuật bảo quản hàng hóa ở kho, trạm, cửa hàng.
- ❖ củng cố và hoàn thiện kho tàng, vật liệu che đậy, kê lót, các trang thiết bị của kho.
- ❖ Xây dựng các định mức hao hụt và quản lý chặt chẽ các khâu, các yếu tố có liên quan đến hao hụt tự nhiên.
- ❖ Tăng cường bồi dưỡng kỹ thuật bảo quản và tinh thần trách nhiệm của công nhân bảo quản, bảo vệ hàng hóa.



# Các biện pháp giảm chi phí quản lý hành chính

- ❖ Tinh giảm bộ máy quản lý hành chính và cải tiến bộ máy quản lý phù hợp với sự phát triển của công ty.
- ❖ Giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết, giảm bớt các khoản chi tiêu có tính chất hình thức, phô trương.
- ❖ Áp dụng các tiến bộ khoa học trong quản lý hành chính đảm bảo thông tin thông suốt, chính xác.



# C. HẠCH TOÁN KINH DOANH

**I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ VAI TRÒ CỦA  
HẠCH TOÁN KINH DOANH Ở DNTM**

**II**

**CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HẠCH TOÁN  
KINH DOANH**

**III**

**CÁC MÔ HÌNH HẠCH TOÁN KINH  
DOANH**

# SỰ CẦN THIẾT VÀ VAI TRÒ CỦA HẠCH TOÁN KINH DOANH Ở DNTM

- ✓ Khái niệm và sự cần thiết của hạch toán kinh doanh
- Khái niệm:
  - ❖ Là phương pháp quản lý và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh của các DNTM, dựa trên các quy luật kinh tế và quan hệ hàng hóa tiền tệ nhằm đạt lợi nhuận tối đa trong kinh doanh.
- Sự cần thiết:
  - ❖ Đây là yêu cầu khách quan của chính quá trình sản xuất kinh doanh.
  - ❖ Là phương thức quản lý các đơn vị kinh doanh cơ sở tốt nhất.
  - ❖ Là phương thức cơ bản để xóa bỏ tận gốc cơ chế quản lý quan liêu bao cấp

# Vai trò

## ➤ Ở tầm vĩ mô:

- ❖ Là công cụ quản lý của Nhà nước, định hướng các đơn vị kinh tế phát triển theo định hướng của Nhà nước.
- ❖ Tạo điều kiện để Nhà nước duy trì các cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng; giữa thu và chi ngân sách, ổn định giá cả thị trường.
- ❖ Điều tiết thu nhập giữa các đơn vị, các ngành kinh tế đảm bảo công bằng xã hội.
- ❖ Tạo điều kiện xóa bỏ tận gốc lối quản lý hành chính quan liêu, bao cấp.



➤ Ở tầm vi mô:

- ❖ Là điều kiện kích thích các doanh nghiệp sử dụng tốt các nguồn lực trong kinh doanh.
- ❖ Là điều kiện bắt buộc các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ đối với Nhà nước thông qua chế độ thuế và các chính sách tài chính.
- ❖ Thúc đẩy doanh nghiệp bù đắp chi phí kinh doanh và có lãi thực sự.
- ❖ Thông qua thực hiện hạch toán kinh doanh các doanh nghiệp đáp ứng được nhiệm vụ bảo đảm thu nhập, ổn định đời sống của cán bộ công nhân viên.

# Đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong thương mại

- Các DNTM hoạt động trong lĩnh vực lưu thông có cơ cấu vốn kinh doanh, chi phí, thu nhập, trình tự hình thành và sử dụng các quỹ của DNTM khác hẳn với các đơn vị sản xuất
- ❖ Vốn lưu động của DNTM chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng số vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó dự trữ hàng hóa lại là bộ phận chủ yếu của vốn lưu động.
- ❖ Chi phí của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh là chi phí kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí này bao gồm 2 bộ phận: chi phí lưu thông bổ sung và chi phí lưu thông thuần túy.
- Một số DNTM vừa thực hiện kinh doanh vừa thực hiện các nghĩa vụ chính trị - xã hội

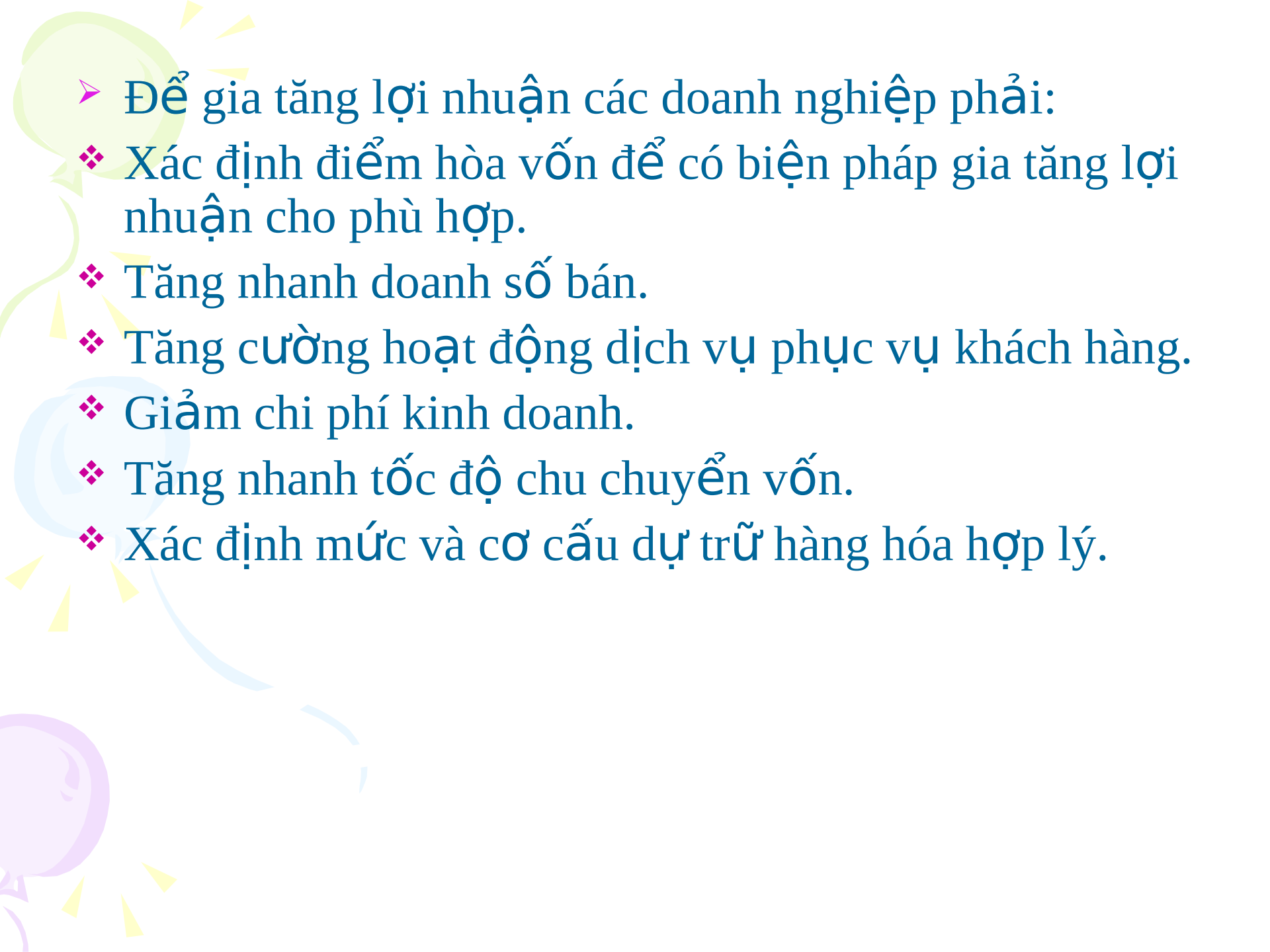
# CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HẠCH TOÁN KINH DOANH

- ▶ Tự bù đắp chi phí và có lãi thực sự trong hoạt động kinh doanh
- ❖ Đây là nguyên tắc cơ bản bao trùm của hạch toán kinh doanh
- ❖ Lợi nhuận của DNTM là biểu hiện bằng tiền của giá trị thặng dư do lao động thặng dư của người lao động trong DNTM tạo ra bằng cách sử dụng hợp lý các nguồn lực trong kinh doanh và tận dụng các điều kiện của môi trường kinh doanh..
- ❖ **Lợi nhuận = Tổng doanh thu - Tổng chi phí**



➤ Lợi nhuận của DNTM được hình thành từ các nguồn sau:

- ❖ Lợi nhuận kinh doanh cơ bản
- ❖ Lợi nhuận ngoài kinh doanh cơ bản
- ❖ Lợi nhuận thu được từ hoạt động liên doanh liên kết
- ❖ Lợi nhuận thu được từ hoạt động tài chính như: tiền gửi ngân hàng, tiền được phạt hợp đồng kinh tế.
- ❖ Lãi khác như thanh lý tài sản của doanh nghiệp.

- 
- Để gia tăng lợi nhuận các doanh nghiệp phải:
  - ❖ Xác định điểm hòa vốn để có biện pháp gia tăng lợi nhuận cho phù hợp.
  - ❖ Tăng nhanh doanh số bán.
  - ❖ Tăng cường hoạt động dịch vụ phục vụ khách hàng.
  - ❖ Giảm chi phí kinh doanh.
  - ❖ Tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn.
  - ❖ Xác định mức và cơ cấu dự trữ hàng hóa hợp lý.



- **Bảo đảm tính độc lập tự chủ trong kinh doanh trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước**
- ❖ Tự do lựa chọn hình thức và mặt hàng kinh doanh
- ❖ Tự chủ về kế hoạch: Doanh nghiệp tự xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh
- ❖ Tự chủ về tài chính: Nhà nước giao vốn và quyền quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật. Doanh nghiệp tự do vay vốn, tự do huy động vốn.
- ❖ Tự chủ về lao động: Tự do tuyển lựa lao động, sử dụng, cho thôi việc theo đúng chính sách và chế độ quy định của Nhà nước.
- ❖ Tự chủ về tiến bộ khoa học công nghệ.
- ❖ Tự chủ về giá cả: Tự quyết định và điều chỉnh giá cả
- ❖ Tự do liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước theo luật định.



➤ Cần tránh hai thiên hướng:

- ❖ Các cơ quan quản lý can thiệp quá sâu vào nghiệp vụ kinh doanh.
- ❖ Các DNTM tự chủ không theo chính sách và pháp luật của Nhà nước.